

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-11-2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệp

2. Bà Đinh Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Minh Thi – Kiểm sát viên

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 182/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1981; Số CCCD: 086181014927, cấp ngày 16/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý về trật tự xã hội; Trú tại: Ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long). (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1980; Số CCCD: 083080001624, cấp ngày 24/4/2021, nơi cấp: nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý về trật tự xã hội; Trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre). (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn trình bày:

Bà H và ông Võ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung và đã sống ly thân đến nay. Cả hai vợ chồng đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân. Do không còn tình cảm với ông C nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Võ Văn C, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm N, sinh ngày 23/12/2004, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn C trình bày:

Ông C đồng ý ly hôn với bà H, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm N, sinh ngày 23/12/2004, đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim H đối với ông Võ Văn C; Có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm N, sinh ngày 23/12/2004, đã trưởng thành, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H, ông Võ Văn C có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Võ Văn C có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Võ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2004 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C. Ông Võ Văn C đồng ý ly hôn với bà H. Tại biên bản xác minh ngày 17/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, bà Trần Thị T (là chị ruột của bà H) trình bày: Bà H và ông C thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, gia đình đã có hàn găng tình cảm nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cương quyết yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải tại tòa án. Điều này cho thấy bà H và ông C đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn găng tình cảm cho bà H và ông C không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông C là phù hợp quy định pháp luật. Bà H, ông C tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà H và ông C có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm N, sinh ngày 23/12/2004, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông C khai không có nên không xét đến.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim H đối với ông Võ Văn C. Bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Võ Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim H và ông Võ Văn C chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Trần Thị Kim H, ông Võ Văn C không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm N, sinh ngày 23/12/2004, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Kim H, ông Võ Văn C khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0003142 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Trần Thị Kim H đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- VKSND Khu vực 5-Vĩnh Long;
- UBND xã Nhơn Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền